

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 566/2018/DS-PT
Ngày 08-6-2018
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Minh.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương;
Bà Trần Thị Lệ Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Thanh Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các từ ngày 01 đến ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 465/2017/TLPT-DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận 2 bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1735/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 3036/2018/QĐ-PT ngày 03 tháng 05 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Long T.

Địa chỉ: đường A, phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Huy H, địa chỉ: Đường H, khu Hành chính huyện A, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 25/9/2014) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Văn Thị Hoài A (có mặt).

Địa chỉ: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người đại diện hợp pháp của bị đơn:

- Ông Võ Hoàng P, địa chỉ: đường C, khu phố M, phường M, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 01/7/2015) (có mặt);

- Bà Châu Bích P, địa chỉ: chung cư Q, Phường N, Quận Ê, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 09/12/2017) (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1 (có mặt);

Địa chỉ: đường D, phường O, Quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ2 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ3 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: đường E, khu phố Y, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ4 (vắng mặt);

Địa chỉ thường trú: đường E, khu phố Y, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ5 (có mặt);

Địa chỉ thường trú: đường E, khu phố Y, phường P, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ6 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường G, phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ7;

- NLQ8;

Cùng cư trú tại: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8: Ông Lê Huy H, địa chỉ: Đường H, khu Hành chính huyện A, tỉnh Đồng Nai là người đại diện theo ủy quyền của NLQ7 và NLQ8 (Văn bản ủy quyền ngày 10/10/2014) (có mặt).

- NLQ9 (vắng mặt);

Địa chỉ: đường I, phường R, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ10 (vắng mặt);

Thường trú: đường K, khu phố Y, phường S, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ11 (vắng mặt);

Thường trú: Ấp U, xã T, huyện Ô, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ cư trú: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

- NLQ12 (vắng mặt);

Thường trú: Xã U, huyện Ô, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ cư trú: đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn – ông Nguyễn Long T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 28/10/2014, lời khai của nguyên đơn – ông Nguyễn Long T và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Lê Huy H thì: Căn nhà đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và diện tích đất khuôn viên 450,7m² thuộc thửa 57, 58 và một phần thửa 59, Tờ bản đồ số 01, Bộ địa chính phường L, Quận Y (Theo tài liệu năm 2003) thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí số Hợp đồng: 9082/ĐĐBĐ-VPQ2 ngày 21/11/2016 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh lập là do ông bà nội của ông T – ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị N tạo lập. Ông Đ (chết ngày 27/10/1983) và bà N (chết năm 1990, không có giấy chứng tử) có 03 người con: Ông Nguyễn Văn T chết ngày 21/9/1986; bà Nguyễn Thị L định cư tại Australia nhưng không rõ địa chỉ, sống hay chết và NLQ6. Ngày 24/5/1988, bà Võ Thị N lập “Giấy xác nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất tờ chúc thư cho nhà”, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã V, phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/11/1989, cho cháu nội là ông T toàn quyền sở hữu và sử dụng nhà đất nêu trên. Ngày 06/11/1989, Tổ dân phố 1, xã V, phường K, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh lập Biên bản họp về việc xác nhận nguồn gốc đất, chủ quyền nhà của ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị N cho nhà cháu nội là Nguyễn Long T.

Sau khi ông Đ, bà N chết, ông T và vợ là bà Đặng Thị K tiếp tục sử dụng nhà đất nêu trên. Căn nhà cũ đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên bà K đã xây cất lại nhà như hiện trạng thể hiện tại Đơn xin phép xây dựng, sửa chữa nhà ngày 27/6/2000, ông T là người bỏ tiền ra xây cất nhưng không nhớ số tiền. Ông T và bà K có 05 người con: NLQ8, ông Nguyễn Long C (chết năm 2007), NLQ7, NLQ9 và ông T. Ngày 24/9/2001, bà K lập di chúc, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/2001, cho con ruột là ông T được toàn quyền sở hữu căn nhà khu phố X, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh nay là đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà K sử dụng nhà đất nêu trên từ trước năm 1980 đến năm 1995. Từ năm 1995, ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A dọn về

ở cùng. Đến năm 2007, ông Long C chết, bà A không cho bà K và ông T ở tại nhà đất nêu trên nên ông T dọn về quận X, Thành phố Hồ Chí Minh ở, bà K nhảy cầu R tự tử nhưng được người dân cứu sống và đưa về nhà NLQ7 ở phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/8/2014 bà K chết. Ông T đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nhưng không nhớ rõ năm nào. Hiện, tại nhà đất nêu trên có bà A, NLQ1, NLQ2 đang ở. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu bà A giao trả cho Ông nhà đất nêu trên theo Di chúc ngày 24/9/2001 do bà Đặng Thị K là mẹ ruột của Ông lập, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/2001.

Theo lời khai của bị đơn – bà Văn Thị Hoài A và người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Võ Hoàng P thì:

Bà A đồng ý với trình bày của ông T về quan hệ nhân thân của ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị N và ông Nguyễn Văn T, bà Đặng Thị K. Nguồn gốc nhà đất tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh do ông bà nội chồng của bà A là ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị N tạo lập từ trước năm 1962. Sau khi ông Đ, bà N chết, con của ông Đ, bà N là ông Nguyễn Văn T và vợ là bà Đặng Thị K tiếp tục sử dụng nhà đất nêu trên. Ông T chết năm 1986. Đến năm 1993, bà K về sống chung với gia đình của ông Nguyễn Long T tại quận X, Thành phố Hồ Chí Minh, để lại toàn bộ nhà đất nêu trên cho ông Nguyễn Long C (chết năm 2007) và bà A sử dụng. Việc cho đất giữa bà K, ông Châu và bà A không lập văn bản. Năm 1999, ông Châu, bà A kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với khuôn viên đất có diện tích 468m², bà K đồng ý nhưng không lập văn bản. Bà K không thắc mắc, khiếu nại việc ông Châu, bà A kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đối với nhà đất nêu trên. Năm 2000, ông Châu, bà A xây dựng lại căn nhà (không xin phép xây dựng), tiền xây dựng nhà tương đương 50 lượng vàng là của bà A nhưng không có tài liệu chứng minh. Ngày 03/9/2002, bà A được Ủy ban nhân dân quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Quyết định thay đổi số nhà số 06222/QĐ-UB-QLĐT. Năm 2006, ông T xúi giục bà K khởi kiện ông Châu, bà A tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tranh chấp nhà đất nêu trên đến ngày 29/3/2012, Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 401/2012/QĐĐC-DSST. Năm 2012, bà A đứng tên Chủ hộ trong Hộ khẩu tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 28/12/2012, bà A có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 06/02/2013 đúng hiện trạng, nguồn gốc sử dụng cha mẹ cho năm 1993. Ngày 10/01/2013, bà K lập Đơn cam kết với nội dung đồng ý cho con dâu tên Văn Thị Hoài A được cấp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với toàn bộ nhà đất nêu trên và không tranh chấp gì về sau, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện, tại nhà đất nêu trên có bà A, con ruột của bà A – NLQ2, con dâu của bà A – NLQ3 và các con của ông Vũ, NLQ3 – chị NLQ4, NLQ5 sinh sống. Tại nhà đất tranh chấp còn có những người thuê nhà là

NLQ10, NLQ11, NLQ12. Bà A không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu để xem xét yêu cầu chia thừa kế của ông T.

Theo lời khai của người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8 là ông Lê Huy H thì: NLQ7 và NLQ8 đồng ý với ý kiến của ông T, không có yêu cầu gì khác.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ6 thì: Việc ông T khởi kiện bà A yêu cầu trả lại nhà đất đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, Bà không tranh chấp, không yêu cầu gì.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ9 thì: NLQ9 là anh ruột của ông T. Đối với tranh chấp giữa ông T và bà A, NLQ9 không tranh chấp, không có yêu cầu gì.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ1 thì: Bà là con ruột của ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A. Bà đồng ý với ý kiến của bà A, không có yêu cầu gì khác.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ2 thì: Ông là con ruột của ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A. Ông đồng ý với ý kiến của bà A, không có yêu cầu gì khác.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ3 thì: Bà là vợ của NLQ2. Bà, ông Vũ và các con là NLQ4, NLQ5 đang cư trú tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Nhà đất nêu trên do cha mẹ chồng của bà là ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A kê khai, đăng ký và sử dụng liên tục. Ông T không sử dụng nhà đất nêu trên ngày nào nên việc ông T tranh chấp tài sản là vô lý.

Theo lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – chị NLQ4, chị NLQ5 thì: Các Chị là con ruột của NLQ2 và NLQ3. Đối với tranh chấp giữa ông T và bà A các Chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ10 thì: Ngày 01/3/2014, Ông ký hợp đồng thuê nhà của bà A tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để bán cà phê. Ông xác định không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án giữa ông T và bà A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp có phát sinh tranh chấp về hợp đồng thuê nhà giữa Ông và bà A, Ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ11 thì: Ngày 05/3/2016, Ông ký hợp đồng thuê nhà của NLQ1 tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để bán kinh doanh tiệm uốn tóc. Ông xác định không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án giữa ông T và bà A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ12 thì: Ngày 01/12/2015, Ông ký hợp đồng thuê nhà của NLQ2 tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh để bán kinh doanh cơ điện lạnh.

Ông xác định không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án giữa ông T và bà A, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Theo Biên bản định giá ngày 07/3/2017 của Hội đồng định giá tài sản thì nhà đất tại đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị: vật kiến trúc trên đất: 699.035.000 đ; đất: 4.416.860.000 đ; tổng giá trị: 5.115.895.000 đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận 2 quyết định:

“1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – ông Nguyễn Long T: Buộc bà Văn Thị Hoài A giao cho ông T sở hữu phần di sản thừa kế là số tiền 588.914.667 đ (năm trăm tám mươi tám triệu chín trăm mười bốn nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Không chấp nhận yêu cầu của ông T về việc buộc bà Văn Thị Hoài A giao trả căn nhà đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất khuôn viên có diện tích 450,7m² thửa 57, 58 và một phần thửa 59, Tờ bản đồ số 01, Bộ địa chính phường L, Quận Y (Theo tài liệu năm 2003) thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí số Hợp đồng: 9082/ĐĐBĐ-VPQ2 ngày 21/11/2016 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh xác lập theo Di chúc ngày 24/9/2001 do bà Đặng Thị K là mẹ ruột ông T lập.

Bà Văn Thị Hoài A và các con tên Nguyễn Thi Phương Di và NLQ2 được hưởng phần di sản thừa kế tương ứng với số tiền: 3.827.945.334 đ (ba tỷ tám trăm hai mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi bốn đồng).

Bà Văn Thị Hoài A được tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất khuôn viên có diện tích 450,7m² thuộc thửa 57, 58 và một phần thửa 59, Tờ bản đồ số 01, Bộ địa chính phường L, Quận Y (Theo tài liệu năm 2003) thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí số Hợp đồng: 9082/ĐĐBĐ-VPQ2 ngày 21/11/2016 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh xác lập. Nếu sau này nhà, đất bị quy hoạch giải tỏa, bà A có trách nhiệm phải chấp hành theo quy định của pháp luật. Bà A có trách nhiệm phân chia tiền cho những người đồng thừa kế khác ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án dưới sự giám sát của cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Long T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm 27.556.587 đ (hai mươi bảy triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi bảy

đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đ (mười hai triệu đồng) đã nộp theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số AG/2011/04757 ngày 10/11/2014, do Chi cục Thi hành án dân sự quận Y xác lập.

Bà Văn Thị Hoài A và các con là NLQ1 và NLQ2 phải chịu số tiền án phí 108.558.907 đ (một trăm lẻ tám triệu năm trăm năm mươi tám nghìn chín trăm lẻ bảy đồng). Bà Văn Thị Hoài A và các con là NLQ1 và NLQ2 chưa nộp tiền án phí.

Về lệ phí: Lệ phí định giá tài sản ông T tự nguyện chịu. Ông T đã nộp đủ tiền lệ phí định giá tài sản”.

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định quyền yêu cầu thi hành án và kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30/3/2017, nguyên đơn – ông Nguyễn Long T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8 có người đại diện hợp pháp là ông Lê Huy H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đường lối xét xử không phù hợp quy định pháp luật, nội dung xét xử mang tính suy diễn, quy chụp, không tôn trọng chứng cứ, sự thật khách quan; quyết định về án phí và các chi phí tố tụng không đúng quy định pháp luật nên yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không khắc phục được và đường lối xét xử không đảm bảo phù hợp quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Long T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8 là ông Lê Huy H trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng: Không xác minh, làm rõ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ, bà N để đưa và tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sử dụng tài liệu, chứng cứ trong vụ án khác để giải quyết vụ án nhưng không thu thập đầy đủ hồ sơ vụ án vì trong quá trình tham gia tố tụng đương sự có quyền thay đổi ý kiến; không xác minh làm rõ bà K có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất đối với nhà đất tranh chấp không; toàn bộ chứng cứ do bị đơn cung cấp là bản photo không có giá trị pháp lý nhưng Tòa án cấp sơ thẩm vẫn sử dụng làm căn cứ.

Về nội dung: Nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của bà K, không yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. NLQ7 không đồng ý cho bà A và các con của bà A phân di sản Bà được hưởng. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định sau khi lập di chúc cho ông T, bà K đã thay đổi nội dung di chúc bằng Đơn cam kết đồng ý cho bà A đăng ký quyền sử dụng đất đối với nhà đất tranh chấp là không đúng quy định pháp luật vì: Giấy cam kết nêu trên thể hiện nội dung tặng cho nhưng không được công chứng, chứng thực và cũng không phải là loại văn bản thay thế di chúc. Bị đơn xác định ở tại nhà đất tranh chấp từ năm 1990,

trước năm 1990 nhà đất do bà K quản lý, sử dụng lâu dài trên 30 năm nên không còn là tài sản của ông Đ, bà N mà là tài sản của bà K nên di chúc của bà K là hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8 hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Những người đại diện hợp pháp của bị đơn – ông Võ Hoàng P, bà Châu Bích P thống nhất trình bày: Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thời hạn kháng cáo:

Căn cứ Khoản 1, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì kháng cáo của nguyên đơn – ông Nguyễn Long T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8 trong thời hạn.

Về nội dung:

Nguyên đơn ông Nguyễn Long T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận 2 buộc bà Văn Thị Hoài A giao trả cho ông T căn nhà Nguyễn Thị Định, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất khuôn viên 450,7m² thuộc thửa 57, 58 và một phần thửa 59, Tờ bản đồ số 01, Bộ địa chính phường L, Quận Y (Theo tài liệu năm 2003) thể hiện trên Bản đồ hiện trạng vị trí số hợp đồng 9082/ĐĐBĐ – VPQ2 ngày 21/11/2016 do Trung tâm Đo đạc bản đồ Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh xác lập, theo Di chúc ngày 24/9/2001 do bà Đặng Thị K là mẹ ruột ông T lập, có Ủy ban nhân dân Phường L chứng thực ngày 01/10/2001.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn xác định yêu cầu khởi kiện như trên. Ngoài ra, nguyên đơn và các đương sự khác trong vụ án không có yêu cầu gì khác. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm đã giải quyết chia thừa kế theo pháp luật cho tất cả các đồng thừa kế được hưởng thừa kế di sản này và tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – ông Nguyễn Long T: Buộc bà Văn Thị Hoài A giao cho ông T sở hữu phần di sản thừa kế là số tiền 588.914.667 đồng là đã giải quyết ngoài phạm vi đơn khởi kiện của đương sự, vi phạm Khoản 1, Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nguồn gốc đất tranh chấp, Tòa cấp sơ thẩm không xác minh tại Ủy ban nhân dân Quận Y và trích sao sổ địa bộ để xác định đất của ai, mà chỉ căn cứ vào lời khai nhận của các bên và xác minh của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y với nội dung: “Nguồn gốc quá trình sử dụng đăng ký đất do bà Văn Thị Hoài A kê khai đăng ký năm 1999 thừa kế của ông bà nội...” để xác định đất do ông Nguyễn Văn Đ và bà Võ Thị N tạo lập là chưa có căn cứ vững chắc.

Bà Nguyễn Thị L được Tòa cấp sơ thẩm xác định là con ruột và là hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị N. Như vậy, bà L là người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ngày 26/7/2011, bà L có đơn xác nhận với nội dung: Không tranh chấp phần thừa kế của Bà đối với ngôi nhà khu phố X, đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà đồng ý giao toàn bộ phần thừa kế của bà cho ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A cùng các cháu NLQ1, NLQ2 được toàn quyền quyết định quản lý, sử dụng, định đoạt. Trong đơn xác nhận này có ghi rõ số hộ chiếu của bà L, ngày và nơi cấp (tại Sydney – Australia), đồng thời ghi bà L tạm trú tại khu phố X, phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, trong hồ sơ vụ án (tại bút lục số 36) còn có bản photo hộ chiếu của bà L. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm đã không tiến hành xác minh tại phường Q, quận X, ủy thác tư pháp sang Úc để xác minh mà chỉ căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự rằng không cung cấp được địa chỉ của bà L để không triệu tập bà L tham gia tố tụng là vi phạm Khoản 4, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Từ đó, cần thiết phải ủy thác tư pháp sang Úc để xác định địa chỉ và làm rõ quan điểm của bà Nguyễn Thị L (hoặc những người thừa kế của bà L nếu bà L chết) về việc giải quyết vụ án theo nội dung Án lệ số 06/2016/AL - Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Trong trường hợp này, vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện (do cần ủy thác tư pháp cho các cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài), nhưng Tòa án nhân dân quận 2 vẫn thụ lý và giải quyết là vi phạm Khoản 3, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự gồm NLQ6, NLQ7, NLQ9 và bà Nguyễn Thị L đều có Đơn xác nhận, Giấy cam kết về việc không tranh chấp thừa kế với cùng nội dung đồng ý giao toàn bộ phần thừa kế của các ông, bà cho ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A cùng các cháu NLQ1, NLQ2 được toàn quyền quyết định quản lý, sử dụng, định đoạt. Các giấy tờ này đều được xác lập năm 2011 (trước khi vụ án được thụ lý).

Căn cứ nội dung của các giấy tờ trên đã có cơ sở xác định đây là những hợp đồng tặng cho phần thừa kế của các đương sự, chưa xác định được là động sản hay bất động sản. Tuy nhiên, căn cứ các Điều 466, Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì những hợp đồng tặng cho này đều chưa có hiệu lực, cho nên các đương sự vẫn có quyền thay đổi ý kiến để quyết định tặng cho hay không tặng cho nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không hỏi ý kiến của họ về việc tặng cho nói trên, nhất là đối với NLQ7, là người có cùng ý kiến với yêu cầu của nguyên đơn thì làm sao còn giữ quan điểm về việc tặng cho phần thừa kế cho bị đơn (tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của NLQ7 đã xác định không tặng cho phần thừa kế cho bị đơn). Nhưng Tòa cấp sơ thẩm lại nhận định cho rằng cho đến nay, NLQ7 vẫn chưa hủy Giấy cam kết ngày 16/8/2011 nên về mặt pháp lý, Giấy cam kết ngày 16/8/2011 vẫn còn hiệu lực. Xét nhận định trên là không có căn cứ pháp luật vì vụ án đang trong quá trình giải quyết thì Tòa án phải hỏi ý kiến của họ để làm cơ sở giải quyết, chứ pháp luật không quy định bắt buộc phải có văn bản để hủy các Giấy tờ tặng cho này thì mới giải quyết.

Tòa cấp sơ thẩm nhận định Tờ chúc thư cho nhà ngày 24/5/1988 do bà Võ Thị N lập cho ông T không định đoạt đối với quyền sử dụng đất mà chỉ định đoạt đối với căn nhà nhưng căn nhà đã không còn giá trị sử dụng nên không hợp pháp. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm lại căn cứ vào các Giấy cam kết, Đơn xác nhận của các đương sự NLQ6, NLQ7, NLQ9 và Nguyễn Thị L để giải quyết cho bà Văn Thị Hoài A cùng các con là NLQ1, NLQ2 được hưởng phần thừa kế của những người này đối với di sản là quyền sử dụng đất đang tranh chấp. Xét việc giải quyết như vậy là không phù hợp vì nội dung của các Giấy cam kết, Đơn xác nhận này cũng chỉ xác định phần thừa kế của NLQ6, bà L, NLQ7, NLQ9 trong vụ án tranh chấp thừa kế ngôi nhà khu phố X, đường B, phường L, Quận Y, chứ không phải thừa kế quyền sử dụng đất.

Về việc xây dựng căn nhà khu phố X, đường B, phường L, Quận Y (nhà đang tranh chấp), các bên đương sự đều không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã chi tiền xây cất nhà. Tòa án cấp sơ thẩm đã không xác minh từ chính quyền địa phương, người thầu xây dựng và những người lối xóm như phía bị đơn trình bày tại phiên tòa, mà chỉ căn cứ vào thực tế bà A có sinh sống tại nhà đất này và về mặt pháp lý có kê khai đăng ký nhà đất để xác định căn nhà do bà A xây dựng là không có căn cứ vững chắc.

Bản án sơ thẩm tuyên bà A và các con tên NLQ1 và NLQ2 được hưởng phần di sản thừa kế rất lớn (hơn 2/3 khối di sản), nhưng lại chỉ buộc bà A phải giao cho ông T sở hữu phần di sản thừa kế là số tiền 588.914.667đ. Tại khoản 1, phần Quyết định lại tuyên bà Văn Thị Hoài được tiếp tục quản lý, sử dụng nhà, đất đang tranh chấp... nếu sau này nhà, đất bị quy hoạch giải tỏa, bà A có trách nhiệm phải chấp hành theo quy định của pháp luật. Xét việc tuyên xử như vậy là không phù hợp, không đúng tên của đương sự và rất khó khăn trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho đương sự sau này.

Xét thấy bản án sơ thẩm có những vi phạm mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục, bổ sung được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn – ông T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – NLQ7, NLQ8; căn cứ Khoản 3, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, hủy án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[2] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp thừa kế yêu cầu được hưởng thừa kế di sản theo Di chúc ngày 24/9/2001 của bà Đặng Thị K, có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/10/2001 và không có yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật (nếu không được chấp nhận chia thừa kế theo di chúc); bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập (Tòa án cấp sơ thẩm không có

thông báo đóng tiền tạm ứng án phí) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chia thừa kế theo pháp luật cho tất cả các đương sự là vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm nghiêm trọng tố tụng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Đ, bà Võ Thị N cho bà Nguyễn Thị L và căn cứ vào Đơn xác nhận về việc không tranh chấp thừa kế ngày 26/7/2011 của bà L có nội dung “đồng ý giao toàn bộ phần thừa kế của tôi cho ông Nguyễn Long C và bà Văn Thị Hoài A cùng các cháu: NLQ1 và NLQ2” để giao phần thừa kế của bà L cho bà A, NLQ1 và NLQ2 là có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L nhưng không đưa bà L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng.

[4] Căn cứ kết quả xác minh ngày 31/5/2018 của Công an phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh và Bản tự khai ngày 30/11/2006 của bà Đặng Thị K và ông Nguyễn Long T trong hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 19/DSST ngày 12/01/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa bà K, ông T và ông Nguyễn Long C thì bà L, quốc tịch Australia, không cư trú tại địa chỉ khu phố X, phường Q, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh mà có địa chỉ cư trú tại Úc: 102 Davies road Passtow NSW 2211, Australia nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 3, Điều 35; Điểm c, Khoản 1, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết là không đúng thẩm quyền.

Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh để xác định đầy đủ những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ, bà N (cha, mẹ của ông Đ, bà N) là thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ.

[5] Về nội dung:

[6] Theo quy định tại Điều 467 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 459 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký quyền sở hữu. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các văn bản xác nhận cho phần thừa kế được chia của NLQ6, NLQ7, NLQ9 lập ngày 26/7/2011, 16/8/2011, 09/8/2011 (trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án) để giao các phần thừa kế nêu trên (quyền sử dụng đất) cho bà A, NLQ1, NLQ2 được sở hữu, sử dụng nhưng không thu thập xác định ý kiến của NLQ6, NLQ7, NLQ9 về việc định đoạt phần thừa kế (quyền sử dụng đất) của họ được chia tại thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án là không đúng quy định pháp luật. Riêng NLQ7 đã ủy quyền cho người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là người đại diện hợp pháp của mình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cũng không hỏi người đại diện hợp pháp của NLQ7 về việc định đoạt phần thừa kế của NLQ7 được chia (quyền sử dụng đất) mà căn cứ vào giấy tặng cho của NLQ7 lập ngày 16/8/2011 (trước khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án) để giao phần thừa kế của NLQ7 cho bà A, NLQ1, NLQ2 được sở hữu, sử dụng là không đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của NLQ7 xác định sau khi

ông T khởi kiện tranh chấp thừa kế thì NLQ7 không còn đồng ý cho bà A, NLQ1, NLQ2 phân thừa kế NLQ7 được chia.

[7] Các bên đương sự thống nhất xác định căn nhà do ông Đ, bà N tạo dựng trên đất tranh chấp đã cũ, không còn giá trị sử dụng nên năm 2000 đã được xây lại như hiện nay. Ông T trình bày ông đã đưa tiền cho bà K xây cất lại nhà như hiện trạng; bà A trình bày Bà và ông Long C đã xây cất lại nhà vào năm 2000, không xin phép nên bị xử phạt vi phạm nhưng các đương sự đều không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Theo lời khai của bà A thì người thầu xây dựng căn nhà đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2000 hiện đang cư trú tại Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và trong hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 19/DSST ngày 12/01/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc “tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa bà K, ông T và ông Long C (đình chỉ giải quyết vụ án năm 2012) có bản sao Hợp đồng xây dựng ngày 23/6/2000 giữa bà A và ông Trần Văn Miêng nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập tài liệu nêu trên, không lấy lời khai người làm chứng là ông Trần Văn Miêng và không xác minh tại địa phương là thu thập tài liệu, chứng cứ chưa đầy đủ. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định diện tích nhà tranh chấp không phù hợp với Đơn xin phép xây dựng, sửa chữa nhà ngày 27/6/2000 của bà K; Tờ kê khai, đăng ký nhà đất ngày 03/8/1999 do bà A khai và thực tế bà A có sinh sống tại nhà đất tranh chấp để xác định nhà trên đất tranh chấp là do bà A xây dựng là chưa có đủ cơ sở.

[8] Bản án sơ thẩm nhận định “căn cứ vào kết quả xác minh ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân quận 2 thì căn nhà đường B, phường L, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh và phần đất khuôn viên có diện tích 450,7m² thuộc thửa 57, 58 và một phần thửa 59, Tờ bản đồ số 01, Bộ địa chính phường L, Quận Y (Theo tài liệu năm 2003) thể hiện tại Bản đồ hiện trạng vị trí số Hợp đồng: 9082/ĐĐBĐ-VPQ2 ngày 21/11/2016 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh lập là tài sản chung do ông Đ, bà N tạo lập” nhưng trong hồ sơ vụ án chỉ có Công văn số 576/TAQ2 ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân quận 2 gửi Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y về việc xác minh tình trạng pháp lý diện tích đất tranh chấp (bút lục số 107-108) nhưng không có kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân phường L, Quận Y nên nhận định nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không có cơ sở.

[9] Do đó, có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ vào Khoản 3, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo – ông Nguyễn Long T, NLQ7, NLQ8 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 148; Khoản 3, Điều 308; Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Khoản 3, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận 2, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Long T, NLQ7, NLQ8 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Long T, NLQ7, NLQ8 số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi người đã nộp là 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2014/0004975, AE/2014/0004976, AE/2014/0004977 ngày 25 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Y;
- Các đương sự (14);
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT (TM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Minh